

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2308**/BCT-ATMT

V/v góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Hà Nội, ngày **03** tháng **4** năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Văn phòng Bộ; Các Vụ, Cục thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu thuộc Bộ;
- Cơ quan truyền thông thuộc Bộ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố;
- Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc ngành Công Thương;
- Hiệp hội Công nghiệp môi trường Việt Nam.

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2026, Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương” để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương và Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương (*dự thảo Thông tư gửi kèm theo Công văn*). Thông tư sửa đổi, bổ sung tập trung vào các nội dung nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc của Bộ Công Thương.

Để đảm bảo tính khả thi, hiệu quả thực tiễn của Thông tư, Bộ Công Thương đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến để hoàn thiện dự thảo Thông tư. Ý kiến góp ý gửi về Bộ Công Thương **trước ngày 20 tháng 4 năm 2026** (thông qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - Bộ Công Thương; Địa chỉ: Số 25 Ngô Quyền, Cửa Nam, Hà Nội).

Sau thời gian trên, nếu không nhận được văn bản góp ý, Bộ Công Thương được hiểu rằng Quý cơ quan đồng ý với các nội dung của Dự thảo.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Bà Nguyễn Thanh Giang, Điện thoại: 024.2221.8322; Fax: 024.2221.8321. Bản điện tử gửi về địa chỉ email: Giangngth@moit.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Bộ trưởng (để b/c);
- Báo Công Thương (để đăng tải trên Cổng TTĐT Bộ);
- Vụ PC (để p/h);
- Lưu: VT, ATMT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trương Thanh Hoài

Tài dự thảo Thông tư:

Link: <https://tinyurl.com/ttmt2026>

Mã QR:





Số: /TTr-ATMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Kính gửi: Quyền Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Cục ATMT) được giao là cơ quan chủ trì xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương (dự thảo Thông tư). Sau quá trình nghiên cứu, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, Cục ATMT đã hoàn thiện dự thảo Thông tư trên cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến đóng góp của các đơn vị và ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế trong quá trình xây dựng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục ATMT kính báo cáo Quyền Bộ trưởng dự thảo Thông tư, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026.

- Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

- Quyết định số 1871/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, trong đó, tại mục I Phụ lục của Quyết định số 1871/QĐ-BCT quy định việc sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính nội bộ nhằm thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

Để quản lý công tác bảo vệ môi trường ngành Công Thương, trong thời gian qua Bộ Công Thương đã ban hành và tổ chức thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương và Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương. Trong quá trình thực thi các văn bản nêu trên, Cục ATMT đã rà soát và thấy rằng một số văn bản pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương chưa quy định cụ thể thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ, cách thức thực hiện một số nội dung công việc, cụ thể:

- Tại Thông tư số 42/2020/TT-BCT quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương: Chưa quy định thời hạn giải quyết về “*Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương*”;

- Thông tư số 24/2023/TT-BCT quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương: Chưa quy định thời hạn giải quyết về (1) *Đăng ký và tổng hợp kế hoạch bảo vệ môi trường*; (2) *Nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý*;

Ngoài ra, theo Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công kế thừa các chức năng, nhiệm vụ của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững được quy định tại Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Do vậy, việc rà soát và điều chỉnh đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao tại dự thảo Thông tư là phù hợp với thực tiễn và mô hình hoạt động của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Với các lý do nêu trên, việc xây dựng ***Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương*** là có căn cứ pháp lý và cần thiết để tạo sự minh bạch, thuận lợi và kịp thời hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan trong quá trình thực thi các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng Thông tư, Cục ATMT đã rà soát, đánh giá các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực và tài chính để tổ chức thi hành văn bản, quá trình đánh giá cho thấy sẽ không phát sinh thêm nguồn nhân lực do sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Cục ATMT, Cục ĐCK để thực thi các yêu cầu của văn bản và khi Thông tư ban hành có thể phát sinh một số chi phí tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định của Thông tư tới các đối tượng chịu tác động.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Nâng cao hiệu quả, tạo sự minh bạch, thuận lợi trong công tác quản lý các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công

Thương và khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

- Thông tư xây dựng nhằm quy định cụ thể các thủ tục hành chính nội bộ đối với quy định về cấp/chấm dứt tài khoản, phân quyền sử dụng tài khoản cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương và công tác quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương phù hợp với thực tiễn và các quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BCT và Thông tư số 24/2023/TT-BCT của Bộ Công Thương.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, đồng thời kế thừa, bổ sung, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Tờ trình số 2400/TTr-ATMT ngày 04 tháng 12 năm 2025, Cục ATMT đã trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Quyết định số 197/QĐ-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương (Tổ soạn thảo) để nghiên cứu và xây dựng Thông tư. Tổ soạn thảo gồm 10 thành viên bao gồm đại diện của Cục ATMT, Văn phòng Bộ và các Vụ: Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số.

2. Ngày 06 tháng 3 năm 2026, Tổ soạn thảo đã họp thông qua kế hoạch xây dựng Thông tư, đề cương chi tiết, đề xuất một số nội dung sửa đổi, bổ sung xin ý kiến góp ý và thông qua nội dung phân công nhiệm vụ của thành viên Tổ soạn thảo. Trên cơ sở đó, Tổ soạn thảo đã tổng hợp và hoàn thiện Dự thảo 0 theo góp ý của các thành viên.

3. Ngày tháng 4 năm 2026, Cục ATMT đã chủ trì rà soát và trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành Công văn số /BCT-ATMT gửi các đơn vị liên quan có ý kiến đối với dự thảo Thông tư. Đồng thời, gửi Báo Công Thương để đăng tải dự thảo Thông tư lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục ATMT để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT.

4. Sau 20 ngày đăng tải, đến nay, Cục ATMT nhận được văn bản góp ý của ...cơ quan/đơn vị gồm: ...

5. Ngày tháng năm 2026, trên cơ sở tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, Cục ATMT đã tiến hành lấy ý kiến các thành viên trong Tổ soạn thảo để thống nhất các nội dung và hoàn thiện Dự thảo 1 của Thông tư trước khi hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định theo quy định.

6. Ngày tháng năm 2026, Cục ATMT gửi Dự thảo Thông tư kèm theo các hồ sơ pháp lý quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm

2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tới Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương đề nghị thẩm định đồng thời đăng tải bản tổng hợp ý kiến và giải trình của các tổ chức cá nhân theo quy định.

7. Ngày tháng năm 2026, Vụ Pháp chế đã tổ chức họp thẩm định dự thảo Thông tư và ngày tháng năm 2026 Vụ Pháp chế đã có Báo cáo thẩm định số về kết quả thẩm định dự thảo Thông tư.

8. Trên cơ sở các ý kiến tại báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế, Cục ATMT đã tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo số...ngày ... tháng ... năm 2026 về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư và trình văn bản lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về dự thảo Thông tư theo quy định.

9. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý của Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với dự thảo Thông tư, Cục ATMT đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư. Ngày tháng năm 2026, Cục ATMT đã ban hành Công văn sốgửi Vụ Pháp chế để trình lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ và trình ban hành dự thảo Thông tư theo quy định.

10. Thực hiện quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT, Cục ATMT tổ chức các hoạt động truyền thông Dự thảo Thông tư trên các kênh thông tin của Bộ Công Thương theo quy định.

11. Ngày tháng năm 2026, Vụ Pháp chế đã có Văn bản gửi Cục ATMT về việc tổng hợp ý kiến Lãnh đạo Bộ đối với dự thảo Thông tư. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của Lãnh đạo Bộ, Cục ATMT đã hoàn thiện dự thảo Thông tư và trình Bộ trưởng ký ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Tên gọi: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

2. Về bố cục, nội dung dự thảo

Dự thảo Thông tư bao gồm 04 Điều và 05 Phụ lục, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương như sau:

Điều 3. Quy định chuyên tiếp

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Phụ lục

1. Thuyết minh đề cương nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B1c-TMBĐKH

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B3b-HĐBĐKH

3. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B6b-BBTLBĐKH

4. Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B6d-QTBĐKH

5. Mẫu 02 – Phụ lục: Mẫu văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Trên đây là Tờ trình của Cục ATMT về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Cục ATMT kính trình Quyền Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương;
- Dự thảo Phụ lục kèm theo (05 Phụ lục);
- Báo cáo thẩm định số ngày ... tháng... năm 2026 của Vụ Pháp chế;
- Báo cáo sốBC-ATMT ngày ... tháng ... năm 2026 của Cục ATMT về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với Dự thảo Thông tư;
- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về Dự thảo Thông tư và các văn bản góp ý của các đơn vị được gửi lấy ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Trương Thanh Hoài (đề b/c);
- Cục ĐCK, Vụ PC (đề p/h);
- Lưu: VT, MT.

CỤC TRƯỞNG

Phạm Tuấn Anh

DỰ THẢO 0

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-đôn và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương như sau:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ:* Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu ngành Công Thương.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. *Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu*

Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm tổ chức và thực hiện các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng và đề xuất các chính sách của ngành Công Thương nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng tại các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV, các Nghị quyết của Bộ Chính trị về biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch chương trình, dự án, đề án, chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì thực hiện; Rà soát, đánh giá các điều ước, thoả thuận quốc tế, rào cản thương mại về thích ứng với biến đổi khí hậu; Rà soát, đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của ngành Công Thương.

b) Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; Các nhiệm vụ, giải pháp và hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu; Giám sát, đánh giá, xây dựng báo cáo hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

c) Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; Triển khai thực hiện các biện pháp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm, các biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm; Đề xuất, hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà

kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

d) Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia; Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính cấp ngành và cơ sở, tính toán dấu vết các-bon đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương; Xây dựng, cập nhật hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

đ) Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Tổ chức thực hiện đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, thẩm định báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

e) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng Báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

f) Xây dựng, đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lượng hạn ngạch khí nhà kính phân bổ hằng năm cho các cơ sở được phân bổ hạn ngạch.

g) Các hoạt động, nhiệm vụ nhằm thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; Các hoạt động, nhiệm vụ nhằm chuẩn bị, triển khai thực hiện thủ tục công nhận phương pháp, đăng ký dự án, thay đổi thành phần tham gia dự án, hủy đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon cho các dự án; Hướng dẫn tham gia thị trường tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

h) Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

i) Xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương;

k) Truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; Thông tin về các

sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát thải khí nhà kính thấp, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

l) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do các cấp có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao (nếu có).”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi Khoản 1 như sau: “1. Trong Quý I hàng năm, căn cứ vào yêu cầu quản lý, chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu, kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia và của ngành, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng ký nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Nội dung hướng dẫn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.”.

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau: “b) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, hồ sơ gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương. Thư điện tử: BDKH-MOIT@moit.gov.vn.

Hồ sơ gửi qua mạng thông tin điện tử gồm bản scan bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

c) Bổ sung khoản 4 như sau: “4. Căn cứ quy định hiện hành, văn bản hướng dẫn và hồ sơ đăng ký nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp danh mục nhiệm vụ, rà soát, lựa chọn các nhiệm vụ đáp ứng điều kiện về sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ.”

d) Sửa đổi khoản 6 như sau: “6. Phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho cơ quan chủ trì thực hiện hoàn thiện thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công hoàn thiện kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương, tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch, danh mục nhiệm vụ của Bộ Công Thương và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định”.

3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 như sau:

“1. Căn cứ ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch, đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của năm kế hoạch. Việc phê duyệt được thực hiện trong tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

2. Căn cứ quyết định của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường cho Bộ Công Thương; Căn cứ quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt nhiệm vụ của năm kế hoạch, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt và giao dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Việc đánh giá kết quả thực hiện ở cấp Bộ được thực hiện trong thời gian không quá 25 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau: “1. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau: “3. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công), Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đồng thời tổng hợp vào báo cáo quyết toán của Cục trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan chủ trì thực hiện xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6d-QTBĐKH”.

6. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 13 như sau:

“2. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công

a) Chủ trì quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của Thông tư đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện điểm a khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

Chủ trì thực hiện quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này”.

8. Thay thế các Phụ lục B1c-TMBĐKH, B3b-HĐBĐKH, B6b-BBTLBĐKH, B6d-QTBĐKH tại Mục 1 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Đăng ký cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường

1. Đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

a) Doanh nghiệp tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp là thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty ngành Công Thương (sau đây gọi tắt là Tập đoàn, Tổng công ty): Doanh nghiệp đề nghị Tập đoàn, Tổng công ty tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản truy cập.

- Trường hợp doanh nghiệp không phải thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty: Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Công Thương) nơi đăng ký trụ sở chính tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản truy cập.

b) Tập đoàn, Tổng công ty rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thành viên gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các đối tượng này.

c) Sở Công Thương rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý (trừ các doanh nghiệp thuộc điểm b khoản 1 Điều

này) gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các đối tượng này.

d) Mẫu đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp nhận được văn bản đề nghị của Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty. Đồng thời, thông báo cho Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty danh sách tài khoản truy cập đã cấp/chấm dứt hoạt động.

3. Các Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này nếu có các thay đổi sau: Thay đổi số lượng tài khoản doanh nghiệp quản lý; Chấm dứt tài khoản truy cập do doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô, công suất đến mức không thuộc Phụ lục I; Đăng ký bổ sung tài khoản do phát sinh thêm số lượng doanh nghiệp truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.

4. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường gửi đề nghị đến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để xem xét cấp tài khoản truy cập.

5. Đối với các doanh nghiệp đã được cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, mà có các thay đổi liên quan đến thông tin doanh nghiệp nhưng vẫn thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư thì tiếp tục sử dụng tài khoản truy cập đã được cơ quan quản lý cấp trước đó.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Đăng ký với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu để cấp mới, bổ sung, thay đổi và chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Trách nhiệm của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp duy trì đường truyền internet, lưu trữ dữ liệu trên máy chủ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, hoạt động ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trên trang Thông tin điện tử, cấp/ chấm dứt tài khoản truy cập và các quy định khác tại Thông tư này.”

5. Thay thế các Mẫu 01, Mẫu 02 Phụ lục II tại Mục 2 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Công Thương: Q.Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Công Thông tin điện tử Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /HĐ-BĐKH

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

HỢP ĐỒNG

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 20...

Nhiệm vụ/Dự án....

Căn cứ Bộ Luật dân sự số ...;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước...;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường...;

Căn cứ Thông tư số/2023/TT-BCT ngày tháng ... năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-BCT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 20.. của Bộ Công Thương về phê duyệt nhiệm vụ, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu năm 20...;

...

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): Bộ Công Thương

1.1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Cơ quan quản lý nhiệm vụ

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện (*)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:....

Đại diện:

Chức vụ:

Căn cứ nhiệm vụ được giao, hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

(*) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Văn phòng Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ

Điều 1. Nội dung thực hiện

Bên B cam kết thực hiện nhiệm vụ/dự án ...

Nội dung, tiến độ, thời gian thực hiện và dự toán kinh phí thực hiện dự án/nhiệm vụ được nêu chi tiết trong Thuyết minh đề cương đính kèm Hợp đồng.

(Thuyết minh đề cương nhiệm vụ/nhiệm vụ đã được phê duyệt kèm theo là phần không tách rời của Hợp đồng này).

Điều 2. Kinh phí và thời gian thực hiện Hợp đồng

Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Hợp đồng là: ... đồng (Bằng chữ: ...).

Thời gian thực hiện Hợp đồng: Từ tháng .../20... đến tháng 12/20...

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Cục Đồi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chịu trách nhiệm:

1. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.
2. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Bên B khi có phát sinh.

3. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:

- Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dấy dera không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được Bên A yêu cầu.

- Bên B thực hiện không đúng nội dung được phê duyệt trong Thuyết minh đề cương; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

4. Bảo mật các sản phẩm của nhiệm vụ, dự án và cung cấp thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

1. Thực hiện đúng, đủ nội dung công việc được nêu trong Thuyết minh đề cương đã được phê duyệt.

2. Chấp hành các quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất (nếu có) về tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Bên A theo yêu cầu.

3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán tài chính theo đúng tiến độ của Hợp đồng và nộp các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ cho Bên A theo quy định.

4. Đảm bảo các chứng từ thanh toán thuộc nhiệm vụ/dự án hợp lệ và đúng quy định hiện hành.

5. Báo cáo kịp thời với Bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để Bên A xem xét, giải quyết.

Điều 5. Phương thức nghiệm thu, thanh toán

Hết thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B giao cho Bên A sản phẩm và Bản quyết toán Hợp đồng.

Bên A sẽ tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Nếu có yêu cầu cần thay đổi, hoặc có vi phạm Hợp đồng, hai Bên sẽ thỏa thuận giải quyết, trong trường hợp không thỏa thuận được hai Bên nhất trí theo phân xử của Tòa án Thành phố Hà Nội để giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị như nhau mỗi Bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI
XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

*(Đối với nhiệm vụ chuyển dự toán qua Văn
phòng Bộ Công Thương)*

BỘ CÔNG THƯƠNG
(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN)

**THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG
NHIỆM VỤ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Tên nhiệm vụ:

**CƠ QUAN QUẢN LÝ
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN
ĐỒI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

Địa danh, năm

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ		2. Mã số:.....
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ		
Tên cơ quan: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		
Email: BDKH-IMOIT@moit.gov.vn		
3.2. Cơ quan chủ trì thực hiện		
Tên cơ quan:		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ:		
Họ và tên thủ trưởng cơ quan:		
Số tài khoản:		
Ngân hàng:		
3.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
Họ và tên:		
Học hàm/Học vị:		
Chức vụ:		
Điện thoại:		
Cơ quan:	Nhà riêng:	Mobile:
Fax:	E-mail:	
Tên cơ quan đang công tác:		
Địa chỉ cơ quan:		
Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Danh sách người thực hiện nhiệm vụ		
TT	Họ và tên	Chuyên môn
1		
2		
3		
3.5. Tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ
1		
2		
4. Thời gian thực hiện		
Từ tháng...../20..... đến tháng...../20...		
5. Dự kiến kinh phí		
Tổng kinh phí:..... triệu đồng, trong đó:		
Nguồn		Tổng số (triệu đồng)
- Từ ngân sách nhà nước		
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì thực hiện		

- Từ nguồn khác
6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện
6.1. Căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)
6.2. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước; thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ v.v...)
7. Phạm vi, quy mô
8. Địa điểm thực hiện

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NHIỆM VỤ

9. Mục tiêu của nhiệm vụ				
9.1. Mục tiêu dài hạn				
9.2. Mục tiêu ngắn hạn				
10. Phương pháp thực hiện				
11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, mô tả các bước thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra, mô tả các sản phẩm trung gian theo từng nội dung, sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ, v.v...)				
12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)				
TT	Nội dung (Phần công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Xây dựng đề cương			
2	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	Xây dựng báo cáo tổng hợp			
...	Nghiệm thu cấp cơ sở			
...	Nghiệm thu cấp Bộ			
13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng				
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng		
1				
2				
3				

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Năm thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
		Sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT)	Nguồn khác
Tổng cộng:			

Tổng hợp nội dung thực hiện và dự toán kinh phí như sau:

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (đồng)		GHI CHÚ
		SNMT	Nguồn khác	
1	Lập nhiệm vụ (nếu có)			

2	Chi phí thực hiện			Phụ lục A
3	Chi báo cáo tổng kết			
4	Chi khác			Phụ lục A
	TỔNG CỘNG			Cộng 1, 2, 3, 4

Dự toán chi tiết tại Phụ lục A kèm theo.

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20...
Thủ trưởng Cơ quan chủ trì thực hiện
(Ký tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 20..
Cơ quan quản lý nhiệm vụ duyệt

PHỤ LỤC A. CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Căn cứ áp dụng
					SNMT	Nguồn khác	
I	Chi phí lập nhiệm vụ (nếu có)						
II	Chi phí trực tiếp						
1	<i>Chi phí nhân công</i>						
2	<i>Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ, năng lượng, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định (nếu có)</i>						
III	Chi phí quản lý chung						
IV	Chi báo cáo tổng kết nhiệm vụ						
V	Chi khác						
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)						

Ghi chú:

- (1) Khi lập Thuyết minh đề cương nhiệm vụ, cơ quan chủ trì thực hiện thay cụm từ “nhiệm vụ” bằng “nhiệm vụ” hoặc “dự án” trong mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.
- (2) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/thông số/yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.
- (3) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Phần dự toán có thể tách riêng thành Phụ lục và lập dưới dạng bảng tính Excel).

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG**

Số: /TLHD-BĐKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ ỦNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 20...**

Dự án/nhiệm vụ...

Căn cứ Hợp đồng sốngày tháng năm 20..... giữa đại diện Bộ Công Thương với...(Tên cơ quan chủ trì thực hiện);

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20.., tại

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương - Cơ quan quản lý nhiệm vụ

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

Fax:

Tại Kho bạc: ...

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện (*)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

Fax:

Tại Kho bạc: ...

Hai bên thỏa thuận, thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng số .../HD-BĐKH ngày ... tháng ... năm 20.. thực hiện nhiệm vụ ... với các nội dung sau:

1. Quá trình thực hiện Hợp đồng

Bên B đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng nội dung đã cam kết.

2. Kết quả thực hiện Hợp đồng

- Kết quả đánh giá của Hội đồng: Thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (có Biên bản họp Hội đồng kèm theo).

- Sản phẩm giao nộp theo đúng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng.

3. Hoàn thành thủ tục tài chính

- Tổng kinh phí được duyệt:

(*) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ

- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B cam kết không vi phạm các quy định chung, hoàn thành các thủ tục tài chính theo quy định (có kèm theo báo cáo quyết toán tài chính).

Với các nội dung nghiệm thu như trên, hai Bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số/HD-BĐKH ngày tháng năm 20....

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN
ĐỔI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)
*(Đối với nhiệm vụ chuyên dự toán qua Văn
phòng Bộ Công Thương)*

() Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ*

BẢNG KÊ QUYẾT TOÁN CHỨNG TỪ THANH TOÁN

(Dành cho đơn vị nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ thông qua tài khoản của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công)

Tên Nhiệm vụ/Dự án:...

Cơ quan chủ trì thực hiện: ...

Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...

Kinh phí thực hiện: đồng

TT	Chứng từ		Mã số Tiểu mục	Nội dung	Kinh phí		Ghi chú
	Số	Ngày			Kinh phí NSNN	Từ nguồn khác	
1							
2							
...							
				Tổng cộng			

Bảng chữ: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20..

Thủ trưởng đơn vị

Chủ trì nhiệm vụ

Kế toán trưởng

Duyệt quyết toán của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

Mẫu 02-PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP/CHẤM DỨT TÀI KHOẢN TRUY CẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Mẫu 01-02: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

*V/v đề nghị cấp/chấm dứt
tài khoản truy cập cơ sở dữ
liệu môi trường ngành
Công Thương*

Kính gửi: Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản truy cập./.

(2)

Nơi nhận:

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu:.....

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty...						
	Nhà máy... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	...						

Ghi chú: (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

Mẫu 02-02: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

*V/v đề nghị cấp/chấm dứt
tài khoản truy cập cơ sở dữ
liệu môi trường ngành
Công Thương*

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Danh sách kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các doanh nghiệp nêu trên./.

(2)

Nơi nhận:

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu:....

DANH SÁCH

CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA (1)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
	Sở Công Thương tỉnh/thành phố...						
...	Công ty...						
...	Công ty..						
...	Công ty..						

Ghi chú: (1) tên Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương; (2) người đại diện pháp luật của (1).

Số: /TTr-ATMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Kính gửi: Quyền Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Cục ATMT) được giao là cơ quan chủ trì xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương (dự thảo Thông tư). Sau quá trình nghiên cứu, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, Cục ATMT đã hoàn thiện dự thảo Thông tư trên cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến đóng góp của các đơn vị và ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế trong quá trình xây dựng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục ATMT kính báo cáo Quyền Bộ trưởng dự thảo Thông tư, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và 2026.

- Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

- Quyết định số 1871/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, trong đó, tại mục I Phụ lục của Quyết định số 1871/QĐ-BCT quy định việc sửa đổi, bổ sung 03 thủ tục hành chính nội bộ nhằm thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

Để quản lý công tác bảo vệ môi trường ngành Công Thương, trong thời gian qua Bộ Công Thương đã ban hành và tổ chức thực hiện theo quy định tại

Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương và Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương. Trong quá trình thực thi các văn bản nêu trên, Cục ATMT đã rà soát và thấy rằng một số văn bản pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương chưa quy định cụ thể thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính nội bộ, cách thức thực hiện một số nội dung công việc, cụ thể:

- Tại Thông tư số 42/2020/TT-BCT quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương: Chưa quy định thời hạn giải quyết về “*Cấp tài khoản, phân quyền tài khoản sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương*”;

- Thông tư số 24/2023/TT-BCT quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương: Chưa quy định thời hạn giải quyết về (1) *Đăng ký và tổng hợp kế hoạch bảo vệ môi trường*; (2) *Nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ đối với các nhiệm vụ bảo vệ môi trường sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do Bộ Công Thương quản lý*;

Ngoài ra, theo Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công kế thừa các chức năng, nhiệm vụ của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững được quy định tại Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. Do vậy, việc rà soát và điều chỉnh đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao tại dự thảo Thông tư là phù hợp với thực tiễn và mô hình hoạt động của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Với các lý do nêu trên, việc xây dựng ***Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương*** là có căn cứ pháp lý và cần thiết để tạo sự minh bạch, thuận lợi và kịp thời hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan trong quá trình thực thi các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng Thông tư, Cục ATMT đã rà soát, đánh giá các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực và tài chính để tổ chức thi hành văn bản, quá trình đánh giá cho thấy sẽ không phát sinh thêm nguồn nhân lực do sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Cục ATMT, Cục ĐCK để thực thi các yêu cầu của văn bản và khi Thông tư ban hành có thể phát sinh một số chi phí tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định của Thông tư tới các đối tượng chịu tác động.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Nâng cao hiệu quả, tạo sự minh bạch, thuận lợi trong công tác quản lý các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công

Thương và khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

- Thông tư xây dựng nhằm quy định cụ thể các thủ tục hành chính nội bộ đối với quy định về cấp/chấm dứt tài khoản, phân quyền sử dụng tài khoản cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương và công tác quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương phù hợp với thực tiễn và các quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BCT và Thông tư số 24/2023/TT-BCT của Bộ Công Thương.

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, đồng thời kế thừa, bổ sung, cập nhật các quy định pháp luật có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Tờ trình số 2400/TTr-ATMT ngày 04 tháng 12 năm 2025, Cục ATMT đã trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Quyết định số 197/QĐ-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc thành lập Tổ soạn thảo xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương (Tổ soạn thảo) để nghiên cứu và xây dựng Thông tư. Tổ soạn thảo gồm 10 thành viên bao gồm đại diện của Cục ATMT, Văn phòng Bộ và các Vụ: Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục Đối mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số.

2. Ngày 06 tháng 3 năm 2026, Tổ soạn thảo đã họp thông qua kế hoạch xây dựng Thông tư, đề cương chi tiết, đề xuất một số nội dung sửa đổi, bổ sung xin ý kiến góp ý và thông qua nội dung phân công nhiệm vụ của thành viên Tổ soạn thảo. Trên cơ sở đó, Tổ soạn thảo đã tổng hợp và hoàn thiện Dự thảo 0 theo góp ý của các thành viên.

3. Ngày tháng 4 năm 2026, Cục ATMT đã chủ trì rà soát và trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành Công văn số /BCT-ATMT gửi các đơn vị liên quan có ý kiến đối với dự thảo Thông tư. Đồng thời, gửi Báo Công Thương để đăng tải dự thảo Thông tư lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục ATMT để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT.

4. Sau 20 ngày đăng tải, đến nay, Cục ATMT nhận được văn bản góp ý của ...cơ quan/đơn vị gồm: ...

5. Ngày tháng năm 2026, trên cơ sở tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, Cục ATMT đã tiến hành lấy ý kiến các thành viên trong Tổ soạn thảo để thống nhất các nội dung và hoàn thiện Dự thảo 1 của Thông tư trước khi hoàn thiện hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định theo quy định.

6. Ngày tháng năm 2026, Cục ATMT gửi Dự thảo Thông tư kèm theo các hồ sơ pháp lý quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT ngày 26 tháng 8 năm

2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tới Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương đề nghị thẩm định đồng thời đăng tải bản tổng hợp ý kiến và giải trình của các tổ chức cá nhân theo quy định.

7. Ngày tháng năm 2026, Vụ Pháp chế đã tổ chức họp thẩm định dự thảo Thông tư và ngày tháng năm 2026 Vụ Pháp chế đã có Báo cáo thẩm định số về kết quả thẩm định dự thảo Thông tư.

8. Trên cơ sở các ý kiến tại báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế, Cục ATMT đã tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định tại Báo cáo số...ngày ... tháng ... năm 2026 về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với dự thảo Thông tư và trình văn bản lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về dự thảo Thông tư theo quy định.

9. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý của Lãnh đạo Bộ và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đối với dự thảo Thông tư, Cục ATMT đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư. Ngày tháng năm 2026, Cục ATMT đã ban hành Công văn sốgửi Vụ Pháp chế để trình lấy ý kiến Lãnh đạo Bộ và trình ban hành dự thảo Thông tư theo quy định.

10. Thực hiện quy định tại Thông tư số 47/2025/TT-BCT, Cục ATMT tổ chức các hoạt động truyền thông Dự thảo Thông tư trên các kênh thông tin của Bộ Công Thương theo quy định.

11. Ngày tháng năm 2026, Vụ Pháp chế đã có Văn bản gửi Cục ATMT về việc tổng hợp ý kiến Lãnh đạo Bộ đối với dự thảo Thông tư. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến của Lãnh đạo Bộ, Cục ATMT đã hoàn thiện dự thảo Thông tư và trình Bộ trưởng ký ban hành theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Tên gọi: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

2. Về bố cục, nội dung dự thảo

Dự thảo Thông tư bao gồm 04 Điều và 05 Phụ lục, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương như sau:

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương như sau:

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Phụ lục

1. Thuyết minh đề cương nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B1c-TMBĐKH

2. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B3b-HĐBĐKH

3. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B6b-BBTLBĐKH

4. Bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu: Mẫu B6d-QTBĐKH

5. Mẫu 02 – Phụ lục: Mẫu văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

Trên đây là Tờ trình của Cục ATMT về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Cục ATMT kính trình Quyền Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo:

- Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương;

- Dự thảo Phụ lục kèm theo (05 Phụ lục);

- Báo cáo thẩm định số ngày ... tháng... năm 2026 của Vụ Pháp chế;

- Báo cáo sốBC-ATMT ngày ... tháng ... năm 2026 của Cục ATMT về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế đối với Dự thảo Thông tư;

- Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân về Dự thảo Thông tư và các văn bản góp ý của các đơn vị được gửi lấy ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Trương Thanh Hoài (đề b/c);
- Cục ĐCK, Vụ PC (đề p/h);
- Lưu: VT, MT.

CỤC TRƯỞNG

Phạm Tuấn Anh

DỰ THẢO 0

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô- dôn và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2023/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương như sau:

1. Sửa đổi khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. *Cơ quan quản lý nhiệm vụ:* Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công là cơ quan quản lý các nhiệm vụ, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu ngành Công Thương.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. *Nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu*

Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm tổ chức và thực hiện các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Xây dựng và đề xuất các chính sách của ngành Công Thương nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng tại các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV, các Nghị quyết của Bộ Chính trị về biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch chương trình, dự án, đề án, chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao cho Bộ Công Thương chủ trì thực hiện; Rà soát, đánh giá các điều ước, thoả thuận quốc tế, rào cản thương mại về thích ứng với biến đổi khí hậu; Rà soát, đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu đối với các ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của ngành Công Thương.

b) Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; Các nhiệm vụ, giải pháp và hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu; Giám sát, đánh giá, xây dựng báo cáo hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

c) Xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; Triển khai thực hiện các biện pháp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm, các biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm; Đề xuất, hướng dẫn việc lựa chọn, áp dụng biện pháp công nghệ và quản lý để giảm nhẹ phát thải khí nhà

kính phù hợp với quy mô và ngành, nghề thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

d) Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia; Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính cấp ngành và cơ sở, tính toán dấu vết các-bon đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương; Xây dựng, cập nhật hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính quốc gia trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

đ) Xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; Tổ chức thực hiện đo đạc kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, thẩm định báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

e) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin, xây dựng Báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

f) Xây dựng, đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, lượng hạn ngạch khí nhà kính phân bổ hằng năm cho các cơ sở được phân bổ hạn ngạch.

g) Các hoạt động, nhiệm vụ nhằm thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; Các hoạt động, nhiệm vụ nhằm chuẩn bị, triển khai thực hiện thủ tục công nhận phương pháp, đăng ký dự án, thay đổi thành phần tham gia dự án, hủy đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon cho các dự án; Hướng dẫn tham gia thị trường tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

h) Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

i) Xây dựng, cập nhật và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về phát thải khí nhà kính, thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Công Thương;

k) Truyền thông, tập huấn, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về ứng phó với biến đổi khí hậu; Thông tin về các

sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát thải khí nhà kính thấp, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

l) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành và các tổ chức có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định; Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do các cấp có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Công Thương giao (nếu có).”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi Khoản 1 như sau: “1. Trong Quý I hàng năm, căn cứ vào yêu cầu quản lý, chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu, kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của quốc gia và của ngành, cơ quan quản lý nhiệm vụ ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị đăng ký nhiệm vụ cho năm tiếp theo. Nội dung hướng dẫn được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.”.

b) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau: “b) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, hồ sơ gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương. Thư điện tử: BDKH-MOIT@moit.gov.vn.

Hồ sơ gửi qua mạng thông tin điện tử gồm bản scan bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

c) Bổ sung khoản 4 như sau: “4. Căn cứ quy định hiện hành, văn bản hướng dẫn và hồ sơ đăng ký nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp danh mục nhiệm vụ, rà soát, lựa chọn các nhiệm vụ đáp ứng điều kiện về sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và thành lập Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ.”

d) Sửa đổi khoản 6 như sau: “6. Phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho cơ quan chủ trì thực hiện hoàn thiện thuyết minh đề cương, dự toán nhiệm vụ.

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công hoàn thiện kế hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Công Thương, tổng hợp trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch, danh mục nhiệm vụ của Bộ Công Thương và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định”.

3. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 5 như sau:

“1. Căn cứ ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện rà soát, điều chỉnh kế hoạch, đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của năm kế hoạch. Việc phê duyệt được thực hiện trong tháng 12 của năm trước năm kế hoạch.

2. Căn cứ quyết định của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường cho Bộ Công Thương; Căn cứ quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt nhiệm vụ của năm kế hoạch, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt và giao dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường cho các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

“1. Việc đánh giá kết quả thực hiện ở cấp Bộ được thực hiện trong thời gian không quá 25 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ cấp Bộ của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau: “1. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán trực thuộc Bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau: “3. Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện không thuộc đơn vị dự toán trực thuộc Bộ (đơn vị nhận kinh phí thông qua tài khoản của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công), Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì kiểm tra quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường đồng thời tổng hợp vào báo cáo quyết toán của Cục trình Bộ Công Thương thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan chủ trì thực hiện xây dựng bảng kê quyết toán chứng từ thanh toán theo mẫu B6d-QTBĐKH”.

6. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 13 như sau:

“2. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

a) Chủ trì quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của Thông tư đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;

b) Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện điểm a khoản 1 Điều này;

c) Phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

Chủ trì thực hiện quyết toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này”.

8. Thay thế các Phụ lục B1c-TMBĐKH, B3b-HĐBĐKH, B6b-BBTLBĐKH, B6d-QTBĐKH tại Mục 1 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Đăng ký cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường

1. Đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

a) Doanh nghiệp tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp là thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty ngành Công Thương (sau đây gọi tắt là Tập đoàn, Tổng công ty): Doanh nghiệp đề nghị Tập đoàn, Tổng công ty tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản truy cập.

- Trường hợp doanh nghiệp không phải thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty: Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Công Thương) nơi đăng ký trụ sở chính tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản truy cập.

b) Tập đoàn, Tổng công ty rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thành viên gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các đối tượng này.

c) Sở Công Thương rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý (trừ các doanh nghiệp thuộc điểm b khoản 1 Điều

này) gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các đối tượng này.

d) Mẫu đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp nhận được văn bản đề nghị của Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty. Đồng thời, thông báo cho Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty danh sách tài khoản truy cập đã cấp/chấm dứt hoạt động.

3. Các Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này nếu có các thay đổi sau: Thay đổi số lượng tài khoản doanh nghiệp quản lý; Chấm dứt tài khoản truy cập do doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô, công suất đến mức không thuộc Phụ lục I; Đăng ký bổ sung tài khoản do phát sinh thêm số lượng doanh nghiệp truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.

4. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường gửi đề nghị đến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để xem xét cấp tài khoản truy cập.

5. Đối với các doanh nghiệp đã được cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, mà có các thay đổi liên quan đến thông tin doanh nghiệp nhưng vẫn thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư thì tiếp tục sử dụng tài khoản truy cập đã được cơ quan quản lý cấp trước đó.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân;”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Đăng ký với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu để cấp mới, bổ sung, thay đổi và chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Trách nhiệm của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp duy trì đường truyền internet, lưu trữ dữ liệu trên máy chủ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, hoạt động ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trên trang Thông tin điện tử, cấp/ chấm dứt tài khoản truy cập và các quy định khác tại Thông tư này.”

5. Thay thế các Mẫu 01, Mẫu 02 Phụ lục II tại Mục 2 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Cục trưởng Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Công Thương: Q.Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /HĐ-BĐKH

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

HỢP ĐỒNG

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỦNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 20...

Nhiệm vụ/Dự án....

Căn cứ Bộ Luật dân sự số ...;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước...;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường...;

Căn cứ Thông tư số/2023/TT-BCT ngày tháng ... năm 2023 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-BCT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 20.. của Bộ Công Thương về phê duyệt nhiệm vụ, dự án ủng hộ với biến đổi khí hậu năm 20...;

...

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): Bộ Công Thương

1.1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Cơ quan quản lý nhiệm vụ

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện (*)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Tại Kho bạc:...

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

Căn cứ nhiệm vụ được giao, hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ ủng hộ với biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

(*) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Văn phòng Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ

Điều 1. Nội dung thực hiện

Bên B cam kết thực hiện nhiệm vụ/dự án ...

Nội dung, tiến độ, thời gian thực hiện và dự toán kinh phí thực hiện dự án/nhiệm vụ được nêu chi tiết trong Thuyết minh đề cương đính kèm Hợp đồng.

(Thuyết minh đề cương nhiệm vụ/nhiệm vụ đã được phê duyệt kèm theo là phần không tách rời của Hợp đồng này).

Điều 2. Kinh phí và thời gian thực hiện Hợp đồng

Kinh phí được cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Hợp đồng là: ... đồng (Bằng chữ: ...).

Thời gian thực hiện Hợp đồng: Từ tháng .../20... đến tháng 12/20...

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chịu trách nhiệm:

1. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.
2. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết các kiến nghị của Bên B khi có phát sinh.

3. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và thu hồi kinh phí đã cấp theo quy định trong các trường hợp sau:

- Bên B không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng hoặc cố tình dấy dera không thực hiện Hợp đồng và không báo cáo khi được Bên A yêu cầu.

- Bên B thực hiện không đúng nội dung được phê duyệt trong Thuyết minh đề cương; sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

4. Bảo mật các sản phẩm của nhiệm vụ, dự án và cung cấp thông tin theo quy định hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

1. Thực hiện đúng, đủ nội dung công việc được nêu trong Thuyết minh đề cương đã được phê duyệt.

2. Chấp hành các quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng; gửi báo cáo giữa kỳ và báo cáo đột xuất (nếu có) về tình hình thực hiện nhiệm vụ cho Bên A theo yêu cầu.

3. Hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán tài chính theo đúng tiến độ của Hợp đồng và nộp các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ cho Bên A theo quy định.

4. Đảm bảo các chứng từ thanh toán thuộc nhiệm vụ/dự án hợp lệ và đúng quy định hiện hành.

5. Báo cáo kịp thời với Bên A các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cần thiết để Bên A xem xét, giải quyết.

Điều 5. Phương thức nghiệm thu, thanh toán

Hết thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B giao cho Bên A sản phẩm và Bản quyết toán Hợp đồng.

Bên A sẽ tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng theo các quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Nếu có yêu cầu cần thay đổi, hoặc có vi phạm Hợp đồng, hai Bên sẽ thỏa thuận giải quyết, trong trường hợp không thỏa thuận được hai Bên nhất trí theo phân xử của Tòa án Thành phố Hà Nội để giải quyết.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 06 bản có giá trị như nhau mỗi Bên giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN ĐỔI
XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)
*(Đối với nhiệm vụ chuyển dự toán qua Văn
phòng Bộ Công Thương)*

BỘ CÔNG THƯƠNG
(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN)

**THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG
NHIỆM VỤ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Tên nhiệm vụ:

**CƠ QUAN QUẢN LÝ
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN
ĐỘI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN

Địa danh, năm

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ		2. Mã số:.....
3. Quản lý nhiệm vụ		
3.1. Cơ quan quản lý nhiệm vụ		
Tên cơ quan: Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Bộ Công Thương		
Địa chỉ:		
Điện thoại:		
Email: BDKH-IMOIT@moit.gov.vn		
3.2. Cơ quan chủ trì thực hiện		
Tên cơ quan:		
Điện thoại:		Fax:
Địa chỉ:		
Họ và tên thủ trưởng cơ quan:		
Số tài khoản:		
Ngân hàng:		
3.3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:		
Họ và tên:		
Học hàm/Học vị:		
Chức vụ:		
Điện thoại:		
Cơ quan:	Nhà riêng:	Mobile:
Fax:	E-mail:	
Tên cơ quan đang công tác:		
Địa chỉ cơ quan:		
Địa chỉ nhà riêng:		
3.4. Danh sách người thực hiện nhiệm vụ		
TT	Họ và tên	Chuyên môn
1		
2		
3		
3.5. Tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ		
TT	Tên tổ chức	Địa chỉ
1		
2		
4. Thời gian thực hiện		
Từ tháng...../20..... đến tháng...../20...		
5. Dự kiến kinh phí		
Tổng kinh phí:..... triệu đồng, trong đó:		
Nguồn	Tổng số (triệu đồng)	
- Từ ngân sách nhà nước		
- Từ nguồn tự có của cơ quan chủ trì thực hiện		

- Từ nguồn khác
6. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết phải thực hiện
6.1. Căn cứ pháp lý lập nhiệm vụ (nêu các văn bản pháp lý liên quan đến nhiệm vụ)
6.2. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ (nêu khái quát những thông tin cơ bản, mới nhất về tình hình nghiên cứu, triển khai trong và ngoài nước; thể hiện sự am hiểu và nắm bắt được thông tin về lĩnh vực thực hiện; nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của nhiệm vụ v.v...)
7. Phạm vi, quy mô
8. Địa điểm thực hiện

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA NHIỆM VỤ

9. Mục tiêu của nhiệm vụ				
9.1. Mục tiêu dài hạn				
9.2. Mục tiêu ngắn hạn				
10. Phương pháp thực hiện				
11. Nội dung thực hiện (liệt kê những nội dung trọng tâm để thực hiện mục tiêu của nhiệm vụ, mô tả các bước thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra, mô tả các sản phẩm trung gian theo từng nội dung, sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ, v.v...)				
12. Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)				
TT	Nội dung (Phân công việc thực hiện)	Thời gian		Sản phẩm phải đạt
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Xây dựng đề cương			
2	Nội dung trọng tâm (phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 11)			
...	Xây dựng báo cáo tổng hợp			
...	Nghiệm thu cấp cơ sở			
...	Nghiệm thu cấp Bộ			
13. Dự kiến kết quả sản phẩm, địa chỉ bàn giao sử dụng				
TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ bàn giao sử dụng		
1				
2				
3				

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Năm thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)	
		Sự nghiệp bảo vệ môi trường (SNMT)	Nguồn khác
Tổng cộng:			

Tổng hợp nội dung thực hiện và dự toán kinh phí như sau:

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (đồng)		GHI CHÚ
		SNMT	Nguồn khác	
1	Lập nhiệm vụ (nếu có)			

2	Chi phí thực hiện			Phụ lục A
3	Chi báo cáo tổng kết			
4	Chi khác			Phụ lục A
	TỔNG CỘNG			Cộng 1, 2, 3, 4

Dự toán chi tiết tại Phụ lục A kèm theo.

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20..
Thủ trưởng Cơ quan chủ trì thực hiện
(Ký tên và đóng dấu)

Hà Nội, ngày tháng năm 20..
Cơ quan quản lý nhiệm vụ duyệt

PHỤ LỤC A. CHI PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Căn cứ áp dụng
					SNMT	Nguồn khác	
I	Chi phí lập nhiệm vụ (nếu có)						
II	Chi phí trực tiếp						
1	<i>Chi phí nhân công</i>						
2	<i>Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ, năng lượng, nhiên liệu, khấu hao tài sản cố định (nếu có)</i>						
III	Chi phí quản lý chung						
IV	Chi báo cáo tổng kết nhiệm vụ						
V	Chi khác						
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)						

Ghi chú:

- (1) Khi lập Thuyết minh đề cương nhiệm vụ, cơ quan chủ trì thực hiện thay cụm từ “nhiệm vụ” bằng “nhiệm vụ” hoặc “dự án” trong mẫu Thuyết minh đề cương nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.
- (2) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu có nội dung mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị để sản xuất thí điểm/ứng dụng thử nghiệm... thì phải nêu rõ các tiêu chí/thông số/yêu cầu kỹ thuật của vật tư, nguyên liệu, thiết bị.
- (3) Đối với các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các nguồn khác, cơ quan chủ trì phải phân khai cụ thể các hạng mục, nội dung chi và dự toán cho từng nguồn tương ứng, bảo đảm đúng quy định hiện hành về tài chính (Phần dự toán có thể tách riêng thành Phụ lục và lập dưới dạng bảng tính Excel).

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,
CHUYỂN ĐỔI XANH VÀ
KHUYẾN CÔNG**

Số: /TLHD-BĐKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ ỦNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 20...**

Dự án/nhiệm vụ...

Căn cứ Hợp đồng sốngày tháng năm 20..... giữa đại diện Bộ Công Thương với...(Tên cơ quan chủ trì thực hiện);

Hôm nay, ngày...tháng...năm 20..., tại

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công - Bộ Công Thương - Cơ quan quản lý nhiệm vụ

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

Fax:

Tại Kho bạc: ...

2. Bên nhận (Bên B): Tên cơ quan chủ trì thực hiện (*)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Mã số ĐVQHNS:.....

Đại diện:

Chức vụ:

Fax:

Tại Kho bạc: ...

Hai bên thỏa thuận, thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện Hợp đồng số .../HD-BĐKH ngày ... tháng ... năm 20.. thực hiện nhiệm vụ ... với các nội dung sau:

1. Quá trình thực hiện Hợp đồng

Bên B đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng nội dung đã cam kết.

2. Kết quả thực hiện Hợp đồng

- Kết quả đánh giá của Hội đồng: Thống nhất nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ (có Biên bản họp Hội đồng kèm theo).

- Sản phẩm giao nộp theo đúng yêu cầu tại Điều 1 của Hợp đồng.

3. Hoàn thành thủ tục tài chính

- Tổng kinh phí được duyệt:

(*) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ

- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán:

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên B cam kết không vi phạm các quy định chung, hoàn thành các thủ tục tài chính theo quy định (có kèm theo báo cáo quyết toán tài chính).

Với các nội dung nghiệm thu như trên, hai Bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số/HD-BĐKH ngày tháng năm 20....

Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

**CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYÊN
ĐỔI XANH VÀ KHUYẾN CÔNG**
(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)

VĂN PHÒNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Chức danh, họ tên, ký, đóng dấu)
*(Đối với nhiệm vụ chuyển dự toán qua Văn
phòng Bộ Công Thương)*

(**) Đối với các cơ quan chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán thông qua Bộ, bên B gồm thông tin của cơ quan chủ trì thực hiện và Văn phòng Bộ*

BẢNG KÊ QUYẾT TOÁN CHỨNG TỪ THANH TOÁN

(Dành cho đơn vị nhận kinh phí thực hiện nhiệm vụ thông qua tài khoản của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công)

Tên Nhiệm vụ/Dự án:...

Cơ quan chủ trì thực hiện: ...

Hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ...

Kinh phí thực hiện: đồng

TT	Chứng từ		Mã số Tiểu mục	Nội dung	Kinh phí		Ghi chú
	Số	Ngày			Kinh phí NSNN	Từ nguồn khác	
1							
2							
...							
				Tổng cộng			

Bảng chữ: ...

....., ngày ... tháng ... năm 20..

Thủ trưởng đơn vị

Chủ trì nhiệm vụ

Kế toán trưởng

Duyệt quyết toán của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

Mẫu 02-PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BCT ngày tháng năm 2026 của Bộ Công Thương)

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP/CHẤM DỨT TÀI KHOẢN TRUY CẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Mẫu 01-02: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

*V/v đề nghị cấp/chấm dứt
tài khoản truy cập cơ sở dữ
liệu môi trường ngành
Công Thương*

Kính gửi: Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản truy cập./.

(2)

Nơi nhận:

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

- Như trên;

- Lưu:....

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty...						
	Nhà máy... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	...						

Ghi chú: (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

Mẫu 02-02: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

*V/v đề nghị cấp/chấm dứt
tài khoản truy cập cơ sở dữ
liệu môi trường ngành
Công Thương*

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Danh sách kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho các doanh nghiệp nêu trên./.

(2)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

DANH SÁCH

CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA (1)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
	Sở Công Thương tỉnh/thành phố...						
...	Công ty...						
...	Công ty..						
...	Công ty..						

Ghi chú: (1) tên Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương; (2) người đại diện pháp luật của (1).